(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-HĐGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024)

5. HỘI ĐỒNG NGÀNH DƯỢC HỌC

a) Các chuyên ngành (Specialization):

1. Công nghệ Dược phẩm và Bào chế thuốc (Pharmaceutical Technology and Pharmaceutics)
2. Dược liệu- Dược học cổ truyền (Pharmacognosy- Traditional Pharmacy)
3. Dược lý- Dược lâm sàng (Pharmacology- Clinical Pharmacy)
4. Hoá sinh dược (Pharmaceutical Biochemistry)
5. Kiểm nghiệm dược phẩm (Drug Quality Control)
6. Quản lý- Kinh tế dược (Pharmaceutical Management- Pharmacoeconomics)
7. Hoá dược (Pharmacochemistry)

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Tạp chí khoa học quốc tế trong Danh mục ISI và Scopus (*)		Tạp chí	- Có uy tín vượt trội: IF ≥ 2,5 và/hoặc Q1; Số trích dẫn > 30	**0 – 3,0**
				- Có uy tín: 0,5 ≤ IF ≤ 2,5 và/hoặc Q2, Q3; Số trích dẫn > 20	**0 – 2,0**
				- Thuộc WoS, Scopus, không bị loại khỏi danh mục tại thời điểm xét: IF < 0,5 hoặc Q4 hoặc chưa có IF và Q	**0 – 1,5**
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác (Phụ lục 1)		Tạp chí	Do HĐGS ngành Dược quyết định cụ thể từng trường hợp	**0 – 1,0** Online **0 – 0,75** Không online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	**0 – 1,0**
4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ 2017 phải có chỉ số ISBN	**0 – 0,5**
5.	CTU Journal of Innovation and Sustainable Development (Cũ: Can Tho University Journal of Science)	2615-9422 e-2815-5602	Tạp chí ACI	Trường Đại học Cần Thơ	0 – 0,25 từ 2021 0 – 0,5 từ 2022 **0 – 0,75** từ 2023
6.	Công nghệ Sinh học Việt Nam (Vietnam Journal of Biotechnology)	2815-5955 e-2815-5912 (1811-4989)	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,75 **0 – 1,0** từ 2024
7.	Dược liệu (Journal of Medicinal Materials)	0868-3859	Tạp chí	Viện Dược liệu	**0 – 1,0**

8.	Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)	2525-2321 e-2572-8288 (0866-7144)	Tạp chí ACI, Scopus	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2021 **0 – 1,25** từ 2022
9.	Hóa học và ứng dụng	1859-4069 (cũ: 0866-7004)	Tạp chí	Hội Hóa học	**0 – 0,75** Trước 2021
10.	Journal of Sciences VNU (Khoa học: Khoa học Y Dược)	p-2615-9309 e-2588-1132 (0866-8612)	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,5 **0 – 1,0** từ 2019
11.	Khoa học và công nghệ Đại học Duy Tân	1859-4905	Tạp chí	Trường Đại học Duy Tân	**0 – 0,25** từ 2020
12.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Bản B tiếng Việt)	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2017 **0 – 1,0** từ 2019
13.	Khoa học Đại học Cần Thơ	1859-2333	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	**0 – 0,5**
14.	Khoa học Đại học Huế: Khoa học tự nhiên	1859-1388 e-2615-9678	Tạp chí	Đại học Huế	0 - 0,5 từ 2020 **0 – 0,75** từ 2021
15.	Khoa học Đại học Huế: Kỹ thuật và công nghệ *(Tên cũ:* Khoa học*)*	2588- 1175 e-2615-9678 (1859- 1388)	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,5 **0 – 0,75** từ 2019
16.	Khoa học và Công nghệ-TNU Journal of Science and Technology	2734-9098 e-2615-9562 (1859-2171)	Tạp chí ACI	Đại học Thái Nguyên	0 – 0,5 **0 – 0,75** từ 2021
17.	Kiểm nghiệm và An toàn thực phẩm (VJFC)	2615-9252 e-2134-9152	Tạp chí	Viện Kiểm nghiệm An toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia	0 – 0,25 từ 2020 **0 – 0,5** từ 2022
18.	Kiểm nghiệm thuốc	1859-0055	Tạp chí	Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương	**0 – 0,75**
19.	Medpharmres (tiếng Anh)	e-2615-9139	Tạp chí ACI	Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh	0 – 1,0 từ 2019 **0 – 1,25** từ 2022
20.	Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc	1859-364X	Tạp chí	Trường Đại học Dược Hà Nội	**0 – 1,0**
21.	Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế	2588-1221	Tạp chí	Trường Đại học Tây Đô	**0 – 0,25** từ 2021
22.	Nghiên cứu Y Dược học cổ truyền Việt Nam	1859-1752	Tạp chí	Bệnh viện Y học Cổ truyền Trung ương	**0 – 0,5** trước 2020
23.	Nghiên cứu Y học	2354-080X (0868-202X)	Tạp chí	Trường Đại học Y Hà Nội	**0 – 0,75**
24.	Nội khoa	1859-1884	Tạp chí	Hội Nội khoa Việt Nam	**0 – 0,5** Trước 2020
25.	Phòng chống Sốt rét và Bệnh ký sinh trùng	0868-3735	Tạp chí	Viên Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương	**0 – 0,5** Trước 2020

26.	Revue Medicale	1859-1892	Tạp chí	Tổng hội Y học Việt Nam	**0 – 0,75** Trước 2021
27.	Revue Pharmaceutique	1013-1833 0868-3212	Tạp chí	Hội Dược học	**0 – 0,75** Trước 2020
28.	Sinh học (Academia Journal of Biology)	2615-9023 e-2815-5921	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,75 **0 – 1,0** từ 2021
29.	Vietnam journal of science, technology, and engineering (Bản C, tiếng Anh)	p-2525-2461 e-2615-9937	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 1,0 từ 2020 **0 – 1,25** từ 2021
30.	Y dược học (Can Tho Journal of Medicine and Pharmacy)	2354-1210 (1859-1876)	Tạp chí	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	**0 – 0,5** từ 2020
31.	Y Dược Cổ truyền Việt Nam	2354-1334	Tạp chí	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam	**0 – 0,5** từ 2017
32.	Y dược học (Cũ: Y học thực hành trước 2020)	2734-9209 (1859-1663)	Tạp chí	Bộ Y tế	**0 – 0,5**
33.	Y Dược học (*cũ: Dược học trước 2020*)	2734-9209 (0866-7225)	Tạp chí	Bộ Y tế	**0 – 1,0**
34.	Y Dược học Quân sự	1859-0748	Tạp chí	Học viện Quân y	**0 – 0,75**
35.	Y Dược học lâm sàng 108	1859-2872	Tạp chí	Viện NCKH Y dược Lâm sàng 108	0 – 0,5 **0 – 0,75** từ 2021
36.	Y Dược học	1859-3836	Tạp chí	Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế	0 – 0,5 từ 2017 **0 – 0,75** từ 2020
37.	Y học lâm sàng	1859-3593	Tạp chí	Bệnh viện Bạch Mai	**0 – 0,5** Trước 2020
38.	Y học Quân sự	1859-1655	Tạp chí	Cục Quân y, Bộ Quốc phòng	**0 – 0,5** Trước 2020
39.	Y học TP Hồ Chí Minh	1859-1779	Tạp chí	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	**0 – 1,0**
40.	Y học Việt Nam	1859-1868	Tạp chí	Tổng hội Y học Việt Nam	**0 – 1,0**
41.	Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển	2588-1442	Tạp chí	Trường Đại học Y tế Công cộng	**0 – 0,25** từ 2021
42.	Khoa học: Khoa học sức khoẻ	2615-9686	Tạp chí	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	**0 – 0, 25** từ 2023
43.	Khoa học và Kinh tế phát triển	2588-1272	Tạp chí	Trường Đại học Nam Cần Thơ	**0 – 0, 25** từ 2024
44.	Y học Cộng đồng	2354-0613	Tạp chí	Viện Sức khỏe Cộng đồng	**0 – 0, 25** từ 2024
45.	Khoa học và Công nghệ (Journal of Science and Technology)	2615-9015	Tạp chí	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	**0 – 0, 25** từ 2024
46.	Phát triển Khoa học và Công nghệ: Khoa học tự nhiên	2588-106X	Tạp chí	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	**0 – 0, 25** từ 2024

47.	Khoa học Trường ĐH Sư phạm TP Hồ Chí Minh	2734-9918	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	**0 – 0, 25** từ 2024

Ghi chú: *(*) Các tạp chí quốc tế không nằm trong danh mục "black lists"; các tạp chí quốc tế nằm trong thời gian được công nhận trong danh mục; nội dung các bài báo đảm bảo tính học thuật, hợp hiến và hợp pháp, phù hợp với lĩnh vực khoa học-công nghệ, ứng dụng trong chuyên ngành hoặc ngành Dược, mức chất lượng được tính ở thời điểm công bố; nội dung bài báo trong danh mục được tính điểm phải phù hợp chuyên ngành hoặc ngành Dược.*

c) Nhà xuất bản có uy tín:

Danh mục Nhà xuất bản trong nước và nước ngoài có uy tín thể hiện trong Phụ lục 2.

Lưu ý: Nhà xuất bản nước ngoài không nằm trong danh mục "black list", nếu ngoài danh sách trên, HĐGS ngành Dược sẽ đánh giá uy tín của nhà xuất bản.

d) Sách phục vụ đào tạo, tác giả chính

- Chất lượng của sách, chương sách: nội dung có tính mới, có ý nghĩa khoa học, thực tiễn, trình bày logic, hệ thống;

- Tác giả chính đối với bài báo quốc tế và bài báo trong nước: gồm 01 tác giả đứng đầu và 01 tác giả liên hệ (ngoại trừ có ghi chú cụ thể hoặc quy định khác của tạp chí thì xác định theo ghi chú hoặc quy định này).

Phụ lục 1

Tiêu chuẩn các tạp chí quốc tế, nước ngoài khác (không có trong CSDL ở mục 1)

1. Có chỉ số ISSN; DOI, có nhà xuất bản; các nội dung của tạp chí có thể tiếp cận được; có trang website riêng với đầy đủ các thông tin về quy trình nộp bài, phản biện, tiêu chí đạo đức (nếu cần), ban biên tập, địa chỉ liên hệ, tần số, chu kỳ xuất bản;…

2. Các bài báo có tiêu đề và tóm tắt bằng tiếng Anh; các thông tin về bài báo được trình bày bằng các ký tự La Mã (Roman script); ngôn ngữ sử dụng rõ ràng, dễ hiểu.

3. Chất lượng tạp chí:

- Thành phần ban biên tập có uy tín, đến từ nhiều chuyên ngành phù hợp với mục tiêu và phạm vi của tạp chí;

- Nhiều tác giả đến từ các cơ quan, đơn vị khác nhau;

- Tuân thủ các quy định đúng như đã tuyên bố, cam kết;

- Phản biện: cần có bằng chứng chứng minh quá trình phản biện (peer-review).

4. Chất lượng bài báo:

- Phù hợp với mục tiêu và phạm vi của tạp chí, phù hợp với hướng chuyên môn thuộc các lĩnh vực Dược học; không vi phạm chủ quyền lãnh thổ, quyền tài phán về biển và các quyền, lợi ích khác của Việt Nam;

- Đảm bảo tính khoa học theo chuẩn mực quốc tế;

- Áp dụng các chuẩn mực chung về đạo đức.

5. Trích dẫn: theo số lượng và nơi trích dẫn; số trích dẫn của các tác giả; số trích dẫn của thành viên ban biên tập.

(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-HĐGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024)

Phụ lục 2

NHÀ XUẤT BẢN QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC CÓ UY TÍN

A. CÁC NHÀ XUẤT BẢN QUỐC TẾ UY TÍN

1. Springer
2. Elsevier
3. Taylor & Francis
4. Wiley (John Wiley & Sons)
5. Woodhead Publishing
6. The Company of Biologists
7. Burleigh Dodds Science Publishing
8. Cambridge University Press (UK)
9. Wageningen Academic Publisher
10. NRC Research Press
11. CSIRO Publishing
12. Science Publishing Group
13. David Publishing
14. FAO
15. Oxford University Press
16. Routledge
17. Peter Lang Publishing Group
18. De Gruyter
19. McGraw Hill
20. Emerald Publishing
21. Sage Publishing
22. Macmillan Publishers
23. Edward Elgar Publishing
24. CRC Press
25. Intech Publisher
26. CABI publishing
27. Inderscience Publishers
28. Macmillan Publishers
29. Các nhà xuất bản của 100 trường đại học hàng đầu thế giới theo xếp hạng của Times Higher Education World University Rankings hay QS University Rangking hàng năm (ngoài các nhà xuất bản đã liệt kê).

B. CÁC NHÀ XUẤT BẢN TRONG NƯỚC UY TÍN

1. Y học
2. Chính trị Quốc gia Sự thật
3. Thanh niên
4. Lao động
5. Khoa học và kỹ thuật
6. Khoa học tự nhiên và Công nghệ
7. Nông nghiệp
8. Từ điển bách khoa
9. Tri thức
10. Thế giới
11. Đại học kinh tế quốc dân
12. Bách khoa Hà Nội
13. Đại học Huế
14. Đại học Quốc gia Hà Nội
15. Đại học sư phạm
16. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
17. Đại học Cần Thơ
18. Giáo dục Việt Nam
19. Đại học Thái Nguyên
20. Học viện Nông nghiệp
21. Trẻ